

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2021/HSST

Ngày 31 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Tiến Thịnh

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

**Phạm Thị M**, sinh ngày 19/9/1976 tại T; Nơi cư trú: Số nhà 290, đường L, tổ 13, phường B, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1943; Có chồng là Vũ Trung A, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 43/2015/HSST ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án. Chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 04/5/2015, chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 16/3/2020.

Bị tạm giữ từ ngày 12/12/2020 đến ngày 21/12/2020 chuyển tạm giam đến nay. Trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Trú tại: thôn Đì II, xã P, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)
- Anh Vũ Thế V, sinh năm 1995; Trú tại: tổ 8, phường H, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)
- Chị Đỗ Thị O, sinh năm 1994; Trú tại: thôn 2, xã T, huyện Q, tỉnh T. (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Trú tại: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh T. (Vắng mặt)

***Người chứng kiến:***

Chị Quách Thị Thanh H, sinh năm 1990; Trú tại: thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 05 phút ngày 12/12/2020 tổ công tác Công an thành phố Thái Bình kết hợp Công an phường Tr, thành phố T kiểm tra hành chính khách sạn VX tại số 12, đường P, tổ 04, phường Tr, thành phố T do ông Phạm Văn L, sinh năm 1963, trú tại tổ 4, phường Tr, thành phố T, tỉnh T làm chủ khách sạn phát hiện có 02 đôi nam nữ có hành vi mua bán dâm, cụ thể tại phòng 202 có Nguyễn Văn T và Đỗ Thị O, tại phòng 206 có Vũ Thế V và Nguyễn Thị L đang có hành vi quan hệ tình dục. Các đối tượng trình bày đến khách sạn VX để mua bán dâm với nhau qua sự môi giới của Phạm Thị M. Kết quả điều tra xác định: Phạm Thị M mở cửa hàng cắt tóc, gội đầu tại nhà ở số 290, đường L, tổ 13, phường B, thành phố T, tỉnh T. Đầu năm 2020, Nguyễn Thị L thỉnh thoảng có đến nhà M gội đầu và có nói chuyện với M về hoàn cảnh gia đình khó khăn nhờ M khi có khách có nhu cầu mua dâm thì M môi giới cho L đi bán dâm. M đồng ý và thỏa thuận nếu có khách mua dâm L sẽ thu mỗi lượt khách mua dâm 500.000 đồng, M được công môi giới 200.000 đồng/lượt, còn lại của người bán dâm. M liên lạc với L và khách mua dâm bằng số điện thoại 0327303986 và mạng xã hội Zalo tên “PM”; L sử dụng số điện thoại 0399159337 và tài khoản zalo tên “Hạnh phúc nhé” để liên lạc trong việc đi bán dâm.

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 12/12/2020, Nguyễn Văn T và Vũ Thế V rủ nhau đi mua dâm. T sử dụng điện thoại Iphone 7 lắp sim số 0856271128 gọi đến số điện thoại 0327303986 của Phạm Thị M (T có số điện thoại của M do khoảng đầu tháng 12/2020, T có nghe qua 02 người nam giới ngồi nói chuyện tại vỉa hè đường L, thành phố T về số điện thoại của M nên T đã lưu mục đích khi có nhu

cầu tìm gái bán dâm để quan hệ tình dục T sẽ liên lạc với M). Do không muốn M biết tên thật của mình nên khi gọi điện cho M, T xưng tên là H và nói M gọi cho 03 gái bán dâm, M nói “*Không có đủ người*”, T nói “*Vậy cho em 02 người cũng được*”, M nói “*Vậy để chị gọi xem còn người không, có gì chị báo lại*”. Không thấy M gọi lại T gọi điện hỏi M “*Chị có giúp em được không?*” M nói “*Vậy chị cho em số điện thoại con bé này, em tự liên lạc với nó*”. T đồng ý và M thống nhất với T giá một lần mua dâm là 500.000 đồng. Sau đó, M nhắn tin cho T số điện thoại 0399159337 của Nguyễn Thị L (thường gọi là L) là gái bán dâm để T liên hệ, đồng thời M nhắn tin cho T với nội dung “*Em gọi bảo em nó gọi bạn nó cho chị*”. Sau đó, M sử dụng tài khoản zalo tên “PM” gọi điện đến tài khoản zalo của L (M lưu là: “L Nv”) với nội dung “*Tý nữa có khách gọi cho em, họ đi 02 người, em gọi bạn cho chị, tý nữa em thu của khách mỗi người 500.000 đồng*”. L đồng ý và cả hai thỏa thuận với nhau sau khi thực hiện hành vi mua bán dâm với khách xong, L sẽ đưa lại cho M số tiền 400.000 đồng là tiền công môi giới 02 khách mua dâm. T gọi cho L không được nên nhắn tin cho M nói là không liên lạc được thì M bảo “*Em gọi lại đi, chị vừa bảo nó rồi*”. T gọi điện lại cho L thì L nghe máy T nói: “*Anh nói chuyện với chị M rồi, bây giờ em ra khách sạn VX thì em gọi thêm cho anh một người nữa ra đây rồi tý anh nhắn cho em số phòng*”. L đồng ý và bảo T thuê phòng rồi báo lại cho L biết. Sau đó, T và V đến khách sạn VX, T thuê 02 phòng và đặt cọc số tiền 500.000 đồng. T lên phòng 202 còn V lên phòng 206. Khi lên phòng T liên lạc cho L báo số 02 phòng đã thuê để L biết. L nhắn tin đến tài khoản zalo của Đỗ Thị O là gái bán dâm và là bạn của L (O sử dụng số điện thoại 0367333468 và tài khoản zalo “O”) với nội dung bảo O đi đến phòng 202 của khách sạn VX bán dâm cho khách, L nói với O khách mua dâm là khách của chị M, thu của khách mua dâm 500.000 đồng, O đồng ý. Sau đó, O và M tự gọi taxi đi đến khách sạn VX. O vào phòng 202 bán dâm cho T, L vào phòng 206 bán dâm cho V. Khi vào phòng, O lấy trong túi áo đang mặc ra 01 bao cao su nhãn hiệu “SURE” ra để ở đầu giường, cả hai cởi quần áo, T có hỏi O bao nhiêu tiền một lượt mua dâm, O nói 500.000 đồng/lượt, T đưa cho O 01 tờ tiền 500.000 đồng, đồng thời lấy tiếp 01 tờ tiền 500.000 đồng nữa đưa cho O nói là cho thêm 200.000 đồng (tiền bo); do không có tiền trả lại nên O bảo tý nữa xuống quầy lễ tân đổi tiền rồi trả lại T 300.000 đồng, T đồng ý, sau đó cả hai quan hệ tình dục với nhau. Đối với L, khi vào phòng lấy từ trong túi xách đang đeo 01 bao cao su, nhãn hiệu Osumi để ở đầu giường L và V cởi hết quần áo, V lấy trong túi quần ra 800.000 đồng đưa cho L (500.000 đồng là tiền mua dâm và 300.000 đồng là tiền cho thêm L). L cầm tiền rồi cả hai quan hệ tình dục với nhau. Khi T và O, L và V đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị lực lượng Công an kiểm tra.

Quá trình điều tra Phạm Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTPTB ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố Phạm Thị M về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Kiểm sát viên trình bày luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội "Môi giới mại dâm". Áp dụng điểm đ khoản 2; khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị M mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX: Tịch thu 01 điện thoại Iphone 7 Plus, lắp sim số 0327303986 của Phạm Thị M; 01 điện thoại OPPO, lắp sim số 0399159337 của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại Iphone 7, lắp sim số 0856271128 của Nguyễn V T; 01 điện thoại Iphone SE của Đỗ Thị O để hóa giá sung vào Ngân sách nhà nước. Tịch thu số tiền 2.300.000 đồng sung công quỹ nhà nước; Tịch thu 01 bao cao su nhãn hiệu "SURE" chưa qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Osumi đã bị xé rách; 01 bao cao su đã qua sử dụng để tiêu hủy. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị M đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả, bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên. Khi được trình bày lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai

của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, Vũ Thế V, chị Đỗ Thị O và Nguyễn Thị L và lời khai người chứng kiến là Quách Thị Thanh H, được chứng minh bằng biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản niêm phong đồ vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào trưa ngày 12/12/2020, Phạm Thị M đã thực hiện hành vi môi giới cho Nguyễn Thị L và Vũ Thế V mua bán dâm tại phòng 206, Đỗ Thị O và Nguyễn Văn T mua bán dâm tại phòng 202 khách sạn VX ở số 12, đường P, tổ 04, phường Tr, thành phố T, tỉnh T mục đích được hưởng số tiền 400.000 đồng, bị cáo là người trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi đó của Phạm Thị M đã phạm tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt (phạm tội đối với đối với 02 người trở lên). Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là có căn cứ. Điều 328 Bộ luật Hình sự quy định:

*1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

*a) ...*

*đ) Đối với 02 người trở lên;*

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, sức khỏe con người, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và còn là nguyên nhân lây truyền các bệnh xã hội, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Quá trình điều tra bị cáo và các gái bán dâm còn khai trước ngày 12/12/2020, M đã giới thiệu khách mua dâm cho L và O đi bán dâm nhưng không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm và khách mua dâm là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T, Vũ Thế V và Nguyễn Thị L, Đỗ Thị O là các đối tượng mua, bán dâm đã vi phạm Điều 22, Điều 23 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn xã hội. Ngày 12/01/2021, Công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với ông Phạm Văn L là chủ khách sạn VX và chị Quách Thị Thanh H là lễ tân của khách sạn không biết việc các đối tượng đã môi giới và thỏa thuận mua bán dâm tại khách sạn VX nên cơ quan điều tra không xử lý. Song việc cho thuê lưu trú tại phòng 202 và 206 của khách sạn VX không thực hiện đầy đủ quy định về an ninh trật tự nên Công an thành phố Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn L là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 04 chiếc điện thoại di động Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7, Plus màu hồng, lắp sim số 0327303986 của Phạm Thị M; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, lắp sim số 0399159337 của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0856271128 của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động Iphone SE màu đỏ của Đỗ Thị O là phương tiện bị cáo và các đối tượng liên lạc phục vụ cho việc môi giới mại dâm cần tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 2.300.000 đồng (Gồm: 500.000 đồng thu tại quầy lễ tân khách sạn VX là tiền thuê phòng 202 và 206; thu của O ở phòng 202 1000.000 đồng tiền của T đưa O và thu 800.000 đồng của V đưa cho L tại phòng 206 khách sạn VX) là vật chứng vụ án cần tịch thu sung quỹ nhà nước; đối với 01 bao cao su nhãn hiệu “SURE” chưa qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Osumi đã bị xé rách; 01 bao cao su đã qua sử dụng là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy;

[7] . Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị M phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 03 (ba) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/12/2020.

*Hình phạt bổ sung:* Phạt Phạm Thị M 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu 01 bao cao su nhãn hiệu “SURE” chưa qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Osumi đã bị xé rách; 01 bao cao su đã qua sử dụng để tiêu hủy.

Tịch thu 04 chiếc điện thoại niêm phong trong phong bì gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng lắp sim số 0327303986 của Phạm Thị M; 01 điện thoại OPPO màu xanh, lắp sim số 0399159337 của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0856271128 của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Iphone SE màu đỏ của Đỗ Thị O để phát mại sung vào Ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.300.000 (hai triệu, ba trăm nghìn) đồng .

( *Vật chứng và tài sản đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/01/2021*) .

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/3/2021. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CATP Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hồng Sơn**